

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 11 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Bình.

Ông Vũ Đình Bảng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thuý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa:
Ông Đào Duy Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/11/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 19xx; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lưu Văn T, sinh năm 19xx; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Chị D và anh Lưu Văn T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 17/3/1995.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, mặt khác anh T còn có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xung đột

với nhau. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị D xác nhận: Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lưu Đức Nam H, sinh năm 19xx, Lưu Đức Nam A, sinh năm 20xx và Lưu Thị Thế N, sinh ngày 13/5/20xx. Đối với cháu Nam H và Nam A đã thành niên, chị D không yêu cầu giải quyết, chị D yêu cầu được nuôi cháu Nữ. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 26/10/2020, bị đơn anh Lưu Văn T trình bày: Anh T thống nhất với chị D về điều kiện, thời gian kết hôn, về con chung và tài sản chung cũng như về thời điểm phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh T trình bày là do anh T đi làm xa và nghi ngờ chị D có quan hệ với người khác nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, từ đầu năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh T xác nhận: Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, nay chị D có yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Do cháu Lưu Đức Nam H, sinh năm 19xx và Lưu Đức Nam A, sinh năm 20xx đều đã thành niên nên anh T không có yêu cầu gì, anh T nhất trí giao cháu Lưu Thị Thế N, sinh ngày 13/5/20xx cho chị D nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thành xác minh ghi lời khai của bà Cao Thị B (Mẹ chị D), bà B trình bày: Chị D và anh T kết hôn với nhau năm 1995, có đăng ký hôn theo luật định đến nay vợ chồng có 03 con chung. Quá trình chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau và anh T còn có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xung đột với nhau. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị D có yêu cầu xin ly hôn với anh T, đây là quyền của chị D và anh T, bà B đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày tại Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp

hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án thu thập đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Lưu Văn T.

Về con chung: Căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao con chung Lưu Thị Thế N, sinh ngày 13/5/20xx cho chị D nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu án phí ly hôn theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị D có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Lưu Văn T; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về thủ tục tố tụng tại Tòa: Bị đơn anh Lưu Văn T có đề nghị xin được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử Thành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Trần Thị D và anh Lưu Văn Tuấn thủ đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị D có yêu cầu được ly hôn với anh T, anh T nhất trí ly hôn. Căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Lưu Văn Tiên.

[4] Về con chung: Chị D và anh T có 03 con chung là Lưu Đức Nam H, sinh năm 19xx, Lưu Đức Nam A, sinh năm 20xx và Lưu Thị Thế N, sinh ngày 13/5/20xx. Đối với cháu Nam H và Nam A đã thành niên, các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với yêu cầu của chị D nuôi cháu Nữ. Xét thấy chị D là người có thu nhập, có đủ điều kiện để nuôi con và anh T cũng chấp nhận yêu cầu của chị D. Do vậy việc giao cháu Nữ cho chị D nuôi là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh chăm sóc nuôi dạy và nguyện vọng của con cũng như các quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn

nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giao con chung Lưu Thị Thế N, sinh ngày 13/5/20xx cho chị D nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Trần Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn với anh Lưu Văn T.

- Về con chung: Giao con chung Lưu Thị Thế N, sinh ngày 13/5/20xx cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này chị D đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011822 ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lưu Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Lãng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện Tiên Lãng;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Chính